

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Anh Lê Văn V và chị Nguyễn Lan C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/10/2013. Đây là hôn nhân lần đầu của chị C và anh V. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V và chị C bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, chị C không lo cho

gia đình, chồng con nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Khoảng tháng 10/2017 vợ chồng xảy ra cãi nhau thì anh V có đánh chị C thì chị C đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Việc anh V đánh chị C không để lại thương tích gì. Sau đó, vợ chồng hòa giải mâu thuẫn thì chị C về sống chung với anh V nhưng đến khoảng tháng 02/2018 chị C lại bỏ nhà đi cho đến nay. Giữa vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh V xin ly hôn với chị C.

Về con chung: Chị C và anh V có 02 con chung là Lê Thị Diệp A, sinh ngày: 15/8/2014 và Lê Thành H, sinh ngày: 19/3/2016. Khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung. Anh V không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Lan C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập họp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị C không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt họp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15/5/2018 cho bị đơn chị Nguyễn Lan C nhưng tại phiên tòa hôm nay chị C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Lan C và anh Lê Văn V khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/10/2013 (BL 07) nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân anh V xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Giữa chị C và anh V không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 15). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 18, 20)

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị C để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy chị C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh V tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

Về con chung:

Chị C và anh V có 02 con chung là Lê Thị Diệp A, sinh ngày: 15/8/2014 và Lê Thành H, sinh ngày: 19/3/2016.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh V là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì 02 con chung do anh V trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Mặc dù cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng từ thời gian chị C bỏ nhà đi đến nay thì cháu H được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt thể chất và tinh thần (BL 18, 19).

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ của người không nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh V xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Xử cho anh Lê Văn V và chị Nguyễn Lan C ly hôn

Về con chung: Giao cho anh Lê Văn V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Diệp A, sinh ngày: 15/8/2014 và Lê Thành H, sinh ngày: 19/3/2016.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Lan C do anh V không yêu cầu.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004713 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Anh V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND HDQ;
- THADS HDQ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường